

Số: 894 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 22 tháng 6 năm 2020

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường  
Dự án Khu dân cư Nhân Hòa kết hợp chỉnh trang đô thị, Phường  
Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu dân cư Nhân Hòa kết hợp chỉnh trang đô thị, Phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi tại Báo cáo kết quả thẩm định số 927/STNMT-KQTĐDTM ngày 23/3/2020;*

*Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khu dân cư Nhân Hòa kết hợp chỉnh trang đô thị, Phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm văn bản số 08/HC ngày 28/5/2020 của Công ty Cổ phần Bất động sản Hương Châu và đề xuất của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1950/TTr-STNMT ngày 08/6/2020.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khu dân cư Nhân Hòa kết hợp chỉnh trang đô thị, Phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Bất động sản Hương Châu (sau đây gọi là Chủ dự án) được thực hiện tại Phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án chịu trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an tỉnh, UBND thành phố Quảng Ngãi theo chức năng nhiệm vụ thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định này.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 6.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Xây dựng; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch thành phố Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND Phường Trương Quang Trọng; Giám đốc Công ty Cổ phần Bất động sản Hương Châu và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 6;
- CT, PCT TT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP (NN), CN-XD, HCC, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN (hc293).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tăng Bính**

## Phụ lục

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**  
**“Khu dân cư Nhân Hòa kết hợp chỉnh trang đô thị, Phường Trương**  
**Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi”**

(Kèm theo Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 22/6/2020

của Chủ tịch UBND tỉnh)

**1. Thông tin về Dự án:**

a) Chủ dự án: Công ty Cổ phần Bất động sản Hương Châu.

b) Địa điểm, quy mô của Dự án:

b.1) Địa điểm: Tại Phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

b.2) Diện tích và qui mô, công suất của Dự án:

- Diện tích Dự án: 52.698,5 m<sup>2</sup>.

- Loại hình Dự án: Dự án đầu tư dịch vụ và kinh doanh.

STT	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ (%)
<b>1</b>	<b>Đất ở</b>	<b>19.867,81</b>	<b>37,36</b>
	Đất ở liền kề	14.223,90	26,99
	Đất ở tái định cư	1.514,50	2,87
	Đất xây dựng nhà ở xã hội	3.949,41	7,50
<b>2</b>	<b>Đất ở hiện trạng chỉnh trang</b>	<b>662,00</b>	<b>1,26</b>
<b>3</b>	<b>Đất hạ tầng kỹ thuật</b>	<b>1.471,50</b>	<b>2,79</b>
	Đất taluy kỹ thuật kè chắn	1.042,20	1,98
	Đất hạ tầng kỹ thuật tập trung (Trạm XLNT)	306,80	0,58
	Đất hạ tầng kỹ thuật sau nhà	122,50	0,23
<b>4</b>	<b>Đất cây xanh, mặt nước</b>	<b>16.145,88</b>	<b>30,64</b>
<b>5</b>	<b>Đất giao thông</b>	<b>14.731,31</b>	<b>27,95</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>52.698,50</b>	<b>100,00</b>

**2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:**

a) Các tác động môi trường chính của Dự án:

TT	CÁC HOẠT ĐỘNG	NGUỒN GÂY Ô NHIỄM
<b>1</b>	<b>Giai đoạn chuẩn bị, giải phóng mặt bằng</b>	
	Giải phóng mặt bằng; Phá bỏ thảm	Bụi và khí thải, chất thải rắn

	thực vật	thông thường, tiếng ồn
<b>2</b>	<b><i>Giai đoạn xây dựng Dự án</i></b>	
2.1	San lấp mặt bằng; Xây dựng hạ tầng kỹ thuật	Bụi, khí thải, tiếng ồn, chất thải rắn, chất thải nguy hại
2.2	Vận chuyển nguyên liệu, thiết bị máy móc	Tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải vệ sinh máy móc thiết bị, tai nạn lao động, tai nạn giao thông
2.3	Sinh hoạt của công nhân làm việc tại công trường	Chất thải rắn sinh hoạt, nước thải
<b>3</b>	<b><i>Giai đoạn hoạt động</i></b>	
3.1	Sinh hoạt của người dân trong khu dân cư	Khí thải từ hoạt động đun nấu, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn nguy hại, nước thải và mùi hôi ( <i>hệ thống xử lý và tại các thùng chứa rác</i> )
3.2	Hoạt động giao thông	Tiếng ồn, khói thải từ các phương tiện giao thông

b) Quy mô, tính chất của nước thải:

TT	NGUỒN PHÁT SINH	QUY MÔ, TÍNH CHẤT
<b>1</b>	<b><i>Giai đoạn xây dựng Dự án</i></b>	
1.1	Nước thải sinh hoạt	20 công nhân với lưu lượng khoảng 1,2 m <sup>3</sup> /ngày (khoảng 10 công nhân ở lại do công nhân rời khỏi công trường vào ban đêm nên lượng nước thải khoảng 0,8m <sup>3</sup> /ngày.đêm)
1.2	Nước thải từ các hoạt động thi công, xây dựng	Vệ sinh máy móc, thiết bị
1.3	Nước mưa chảy tràn	Các tạp chất cuốn theo trên bề mặt thi công Dự án
<b>2</b>	<b><i>Giai đoạn hoạt động</i></b>	
2.1	Nước thải sinh hoạt	Phát sinh khoảng 97,15m <sup>3</sup> /ngày.đêm
2.2	Nước mưa chảy tràn	Các tạp chất cuốn theo trên bề mặt khu vực Dự án

c) Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

TT	NGUỒN PHÁT SINH	QUY MÔ, TÍNH CHẤT
<b>1</b>	<b><i>Giai đoạn xây dựng Dự án</i></b>	
1.1	Vận chuyển nguyên liệu, thiết bị máy móc; San lấp mặt bằng; Xây dựng hạ tầng kỹ thuật	Bụi, khí thải và tiếng ồn
<b>2</b>	<b><i>Giai đoạn hoạt động</i></b>	

2.1	Hoạt động giao thông	Tiếng ồn, khói thải từ các phương tiện giao thông
2.2	Khí thải phát sinh từ trạm xử lý nước thải	Mùi do phát sinh các chất khí như CH <sub>4</sub> , H <sub>2</sub> S, NH <sub>3</sub> , Metyl mecarptan,... từ quá trình phân hủy các chất hữu cơ.

d) Quy mô, tính chất của chất thải rắn:

TT	NGUỒN PHÁT SINH	QUY MÔ, TÍNH CHẤT
<b>1</b>	<b>Giai đoạn xây dựng Dự án</b>	
1.1	Chất thải rắn sinh hoạt	20 người phát sinh khoảng 10kg/ngày
1.2	Chất thải rắn xây dựng	Lượng chất thải phát sinh không lớn, chủ yếu tận dụng lại và bán phế liệu
<b>2</b>	<b>Giai đoạn hoạt động</b>	
2.1	Chất thải rắn sinh hoạt	Từ các hộ dân khoảng 704kg/ngày

đ) Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

TT	NGUỒN PHÁT SINH	QUY MÔ, TÍNH CHẤT
<b>1</b>	<b>Giai đoạn xây dựng Dự án</b>	
1.1	Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị xây dựng	Chất thải nguy hại gồm dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu, pin, ắc quy thải, thùng sơn,...
<b>2</b>	<b>Giai đoạn hoạt động</b>	
2.1	Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của dân cư, các khu thương mại dịch vụ và hoạt động vận hành HTXLNT	Chất thải nguy hại chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang hỏng, thiết bị điện, điện tử, hộp mực in thải,...

### 3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

a) Về thu gom và xử lý nước thải:

TT	NGUỒN PHÁT SINH	CÔNG TRÌNH/BIỆN PHÁP XỬ LÝ	NGUỒN TIẾP NHẬN
<b>1</b>	<b>Giai đoạn xây dựng Dự án</b>		
1.1	Nước thải sinh hoạt	Lắp đặt nhà vệ sinh tạm và sử dụng bể tự hoại. Khi công trình hoàn thành sẽ tháo dỡ và san lấp trả lại mặt bằng hiện trạng Dự án	Tự thấm xuống đất
1.2	Nước thải từ các hoạt động thi công, xây dựng	Thu gom đưa về hồ tự thấm (hồ được đổ cát để tự thấm lọc nước thải)	Tự thấm xuống đất
1.3	Nước mưa chảy tràn	Đào rãnh thoát nước mưa sau	Kênh Bàu Sắt

		đó qua hồ ga lắng cặn bản trước khi thải ra môi trường	
<b>2</b>	<b><i>Giai đoạn hoạt động</i></b>		
2.1	Nước thải sinh hoạt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải chung của Dự án.</li> <li>- Trạm xử lý nước thải nằm ở khu vực cây xanh (diện tích khoảng 306,8m<sup>2</sup>) với công suất 100m<sup>3</sup>/ngày đêm</li> <li>- Xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B</li> </ul>	Kênh Bàu Sắt
2.2	Nước mưa chảy tràn	Xây dựng hệ thống thu gom và thoát nước mưa chảy tràn xung quanh khu vực Dự án	

## b) Về xử lý bụi, khí thải:

TT	NGUỒN PHÁT SINH	CÔNG TRÌNH/BIỆN PHÁP XỬ LÝ
<b>1</b>	<b><i>Giai đoạn xây dựng Dự án</i></b>	
1.1	Vận chuyển nguyên liệu, thiết bị máy móc; San lấp mặt bằng; Xây dựng hạ tầng kỹ thuật	Xây dựng tường rào bằng tôn ( <i>tối thiểu 2m</i> ) xung quanh toàn bộ ranh giới Dự án; Các phương tiện vận chuyển được phủ bạt, che kín để tránh phát tán bụi ra môi trường xung quanh;....
<b>2</b>	<b><i>Giai đoạn hoạt động</i></b>	
2.1	Hoạt động giao thông	Bê tông nhựa các tuyến đường giao thông nội bộ của dự án; Trồng cây xanh;...
2.2	Khí thải phát sinh từ trạm xử lý nước thải	Xây dựng ngâm, kín trong khuôn viên cây xanh nằm ở phía Nam Dự án Xây dựng hệ thống khử mùi phát sinh từ HTXLNT

## c) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

TT	NGUỒN PHÁT SINH	CÔNG TRÌNH/BIỆN PHÁP XỬ LÝ
<b>1</b>	<b><i>Giai đoạn xây dựng Dự án</i></b>	
1.1	Chất thải rắn sinh hoạt	Thu gom rác vào các thùng chứa có nắp đậy và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý
1.2	Chất thải rắn xây dựng	Thu gom riêng vào nơi lưu chứa tạm

		thời tại khu vực Dự án và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý
<b>2</b>	<b>Giai đoạn hoạt động</b>	
2.1	Chất thải rắn sinh hoạt	Thu gom rác vào các thùng chứa có nắp đậy và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý

d) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

TT	NGUỒN PHÁT SINH	CÔNG TRÌNH/BIỆN PHÁP XỬ LÝ
<b>1</b>	<b>Giai đoạn xây dựng Dự án</b>	
1.1	Chất thải nguy hại gồm dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu, pin, ắc quy thải, thùng sơn,..	Bố trí các thùng chuyên dụng để thu gom, đặt tại kho lưu giữ tạm thời. Sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý
<b>2</b>	<b>Giai đoạn hoạt động</b>	
2.1	Chất thải nguy hại chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang hỏng, thiết bị điện, điện tử, hộp mực in thải	Bố trí các thùng chuyên dụng để thu gom, đặt tại kho lưu giữ chất thải nguy hại và được dán mã, biển cảnh báo. Sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý

đ) Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

TT	NGUỒN PHÁT SINH	CÔNG TRÌNH/BIỆN PHÁP XỬ LÝ
<b>1</b>	<b>Giai đoạn xây dựng Dự án</b>	
1.1	Tiếng ồn, độ rung	Sử dụng máy móc, thiết bị có mức gây ồn thấp khi thi công gần khu dân cư; Thực hiện bảo dưỡng thiết bị, máy móc thi công thường xuyên trong suốt thời gian thi công...
<b>2</b>	<b>Giai đoạn hoạt động</b>	
2.1	Tiếng ồn, độ rung	Trồng cây xanh nhằm hạn chế ô nhiễm không khí

e) Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

TT	NGUỒN PHÁT SINH	CÔNG TRÌNH/BIỆN PHÁP XỬ LÝ
<b>1</b>	<b>Giai đoạn xây dựng Dự án</b>	
1.1	An toàn lao động, phòng chống cháy nổ	Trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ cần thiết theo quy định; xây dựng và ban hành các nội quy về làm việc trên công trường; trang bị các phương tiện chữa cháy; tuyên truyền, tập huấn phòng chống cháy nổ;...
1.2	An toàn giao thông	Bố trí người hướng dẫn, phân luồng cho

		các xe vận chuyển khi quay đầu hoặc khi lùi xe; Chạy đúng tốc độ quy định trong công trường,...
<b>2</b>	<b><i>Giai đoạn hoạt động</i></b>	
2.1	Phòng chống sự cố cháy nổ	Trang bị đầy đủ các phương tiện phòng chống cháy nổ theo quy định của công an PCCC; Hệ thống cấp nước chữa cháy; Khu nhà ở bố trí trụ lấy nước chữa cháy tại các ngã 3, ngã 4 đường;...
2.2	Sự cố của hệ thống xử lý nước thải	Định kỳ bảo dưỡng hệ thống xử lý, vận hành ổn định; Cam kết không xả nước thải ra môi trường trong thời gian xảy ra sự cố;...

#### 4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

Trạm xử lý nước thải tập trung của khu dân cư với công suất là 100m<sup>3</sup>/ngày đêm. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, Cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi xả thải ra môi trường.

#### 5. Chương trình quản lý, giám sát môi trường:

TT	MÔI TRƯỜNG GIÁM SÁT	VỊ TRÍ	THÔNG SỐ/ TẦN SUẤT GIÁM SÁT	QUY CHUẨN SO SÁNH
<b>1</b>	<b><i>Giai đoạn triển khai xây dựng Dự án</i></b>			
1.1	Không khí	- Tọa độ: X= 1675751 Y= 0585667 - Tọa độ: X= 1675534 Y= 0585671	Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, TSP, SO <sub>2</sub> , NO <sub>2</sub> , CO; Tần suất: 03 tháng/lần	QCVN05:2013/BTNMT QCVN26:2010/BTNMT
1.2	Nước mặt	Tọa độ: X=1675747 Y=0585694	pH, TSS, BOD <sub>5</sub> , COD, DO, Fe, NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> -N, PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> -P, Coliform. Tần suất: 03 tháng/lần	QCVN08-MT:2015/BTNMT
<b>2</b>	<b><i>Giai đoạn Dự án đi vào vận hành</i></b>			
2.1	Nước thải	Mẫu nước thải đầu ra của trạm xử lý nước thải (Tọa độ: X=1675664 Y=585618)	Lưu lượng, pH, COD, BOD <sub>5</sub> , TSS, NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> , PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> dầu mỡ, Coliform. Tần suất: 03 tháng/lần	QCVN 14:2008/BTNMT



TT	MÔI TRƯỜNG GIÁM SÁT	VỊ TRÍ	THÔNG SỐ/ TẦN SUẤT GIÁM SÁT	QUY CHUẨN SO SÁNH
2.2	Chất thải rắn		Giám sát về khối lượng chất thải rắn sinh hoạt tại điểm trung chuyển và giám sát việc thu gom, lưu trữ và xử lý chất thải rắn sinh hoạt	

## 6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường.

### a) Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

a.1) Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình thi công, xây dựng Dự án;

a.2) Tuân thủ các yêu cầu về tiêu thoát nước, đảm bảo không để ngập úng cục bộ các khu vực xung quanh khi Dự án đi vào hoạt động;

a.3) Xây dựng hệ thống thu gom nước mưa và nước thải riêng biệt; thu gom toàn bộ nước thải phát sinh từ khu dân cư về hệ thống xử lý nước thải tập trung; vận hành thường xuyên hệ thống xử lý nước thải tập trung đảm bảo xử lý nước thải đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt – QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) trước khi thoát ra Kênh Bàu Sắt;

a.4) Bố trí hợp lý các tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu; thực hiện các biện pháp, giải pháp nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn giao thông và mỹ quan đô thị trong quá trình thi công xây dựng Dự án;

a.5) Thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng, hoạt động Dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường theo đúng quy định của Chính phủ tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 và các quy định khác về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại;

a.6) Thực hiện các biện pháp quản lý, kỹ thuật để phòng ngừa, ứng cứu các sự cố môi trường có thể xảy ra trong quá trình thực hiện Dự án; thường xuyên kiểm tra các hạng mục công trình, khi phát hiện có sự cố xảy ra phải nhanh chóng khắc phục và thông báo cho các cơ quan chức năng biết để phối hợp xử lý kịp thời;

a.7) Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường; chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân tham gia đánh giá tác động môi trường giải trình trước cơ quan nhà nước, cơ quan truyền thông về thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường

khi được yêu cầu;

a.8) Đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường hàng năm theo như Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt. Số liệu quan trắc, giám sát phải được cập nhật, lưu giữ và phải có báo cáo gửi cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường để theo dõi, giám sát;

a.9) Thực hiện đền bù những thiệt hại môi trường do Dự án gây ra theo đúng các quy định hiện hành.

b) Chủ dự án chịu các trách nhiệm:

b.1) Lập và niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường tại khu vực triển khai thực hiện Dự án để nhân dân biết và theo dõi đúng quy định pháp luật;

b.2) Thiết lập hệ thống cảnh báo nguy hiểm, cảnh báo giao thông trong khu vực thi công; thực hiện các biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công phù hợp nhằm giảm thiểu tác động tới các hoạt động giao thông của khu vực cũng như đời sống, sinh kế của dân cư xung quanh khu vực dự án;

b.3) Hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra việc thực hiện kế hoạch quản lý môi trường và việc triển khai thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến Dự án khi được yêu cầu;

b.4) Thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải, lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức;

b.5) Xây dựng kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường định kỳ gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 của năm trước để theo dõi, giám sát theo đúng quy định tại khoản 2, Điều 54a Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ;

b.6) Trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng, phải dừng ngay các hoạt động của Dự án; tổ chức ứng cứu, khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường cấp tỉnh và các cơ quan liên quan nơi thực hiện Dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý./.